

Mã học phần: FLF2104

Ngày thi: 29/10/2018

Địa điểm: A2 – ĐHNN

Trường: ĐH Khoa học Tự nhiên

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Khoa/ ngành	Kết quả thi				Điểm (Thang 9.0)	Điểm môn học (Thang 10.0)	Kết luận	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói				
1	005	17000747	Lê Hữu Phương	Anh	02.01.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
2	010	17001418	Nguyễn Linh	Chi	07.02.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
3	012	17000184	Trương Quỳnh	Chi	24.02.1999	QTSH	6,0	5,5	5,5	5,0	5,5	10,0	Đạt	
4	018	17001033	Đỗ Thị	Dung	06.03.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
5	024	17000670	Đỗ Thị Minh	Hạnh	16.11.1999	QTSH	6,5	7,0	5,0	6,0	6,0	10,0	Đạt	
6	026	17001299	Bùi Thu	Hương	11.10.1999	QTSH	6,5	6,0	5,0	6,0	6,0	10,0	Đạt	
7	034	17000035	Trần Thị	Lan	29.05.1999	QTSH	5,0	4,0	4,5	3,5	4,5	8,0	Đạt	
8	035	17000783	Trần Mê	Li	02.07.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
9	036	17000995	Nguyễn Thị Khánh	Linh	27.04.1998	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
10	042	17000181	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	13.01.1999	QTSH								Hoãn thi
11	043	17001725	Vũ Quỳnh	Mai	07.12.1999	QTSH	5,5	5,5	5,0	5,5	5,5	10,0	Đạt	
12	044	17000531	Đình Thu	Minh	04.05.1999	QTSH	7,5	6,5	4,5	6,0	6,0	10,0	Đạt	
13	047	17001589	Lưu Thị Thủy	Ngân	29.07.1998	QTSH	3,5	2,0	4,5	5,0	4,0	7,0	Đạt	
14	048	17001103	Phạm Hồng	Ngọc	26.01.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
15	051	17000490	Lê Ánh	Nguyệt	27.09.1999	QTSH	4,5	4,5	5,5	6,5	5,5	10,0	Đạt	
16	052	17001623	Nguyễn Hà	Nhi	01.11.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
17	053	17000260	Nguyễn Hà	Nhung	24.05.1999	QTSH	6,5	5,5	4,5	5,5	5,5	10,0	Đạt	
18	061	17000946	Trần Phương	Thảo	30.11.1999	QTSH								Hoãn thi
19	062	17001258	Nguyễn Phương	Thảo	07.11.1999	QTSH	5,5	5,0	5,5	4,5	5,0	9,0	Đạt	
20	069	17001401	Đỗ Thu	Trà	04.12.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
21	084	17000662	Nguyễn Trần Thu	Trà	05.07.1999	QTSH								Hoãn thi
22	070	17000495	Nguyễn Ngọc	Trâm	04.07.1999	QTSH	6,5	7,5	6,0	7,5	7,0	10,0	Đạt	

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Khoa/ ngành	Kết quả thi				Điểm (Thang 9.0)	Điểm môn học (Thang 10.0)	Kết luận	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói				
23	071	17001240	Lê Thị Quỳnh	Trang	12.03.1999	QTSH	5,0	6,0	5,0	4,5	5,0	9,0	Đạt	
24	074	17000631	Nguyễn Thị	Trang	07.10.1999	QTSH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
25	077	17001587	Phạm Thị Thu	Uyên	01.08.1999	QTSH	4,5	7,0	4,0	5,0	5,0	9,0	Đạt	
26	078	17000754	Bùi Thị Thu	Uyên	01.12.1999	QTSH	5,0	5,0	4,5	5,5	5,0	9,0	Đạt	
27	001	17001002	Nguyễn Việt	Anh	05.10.1999	QTVLH	6,0	4,5	5,0	4,5	5,0	9,0	Đạt	
28	002	17000002	Vũ Hoàng	Anh	21.03.1999	QTVLH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
29	006	17001217	Lương Tuấn	Anh	09.06.1999	QTVLH					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
30	007	17001353	Trần Thị Phương	Anh	26.01.1996	QTVLH	3,5	4,0	3,0	4,0	3,5	5,0	Đạt	
31	008	17000461	Đỗ Xuân	Bách	08.08.1989	QTVLH	4,0	5,5	3,5	5,5	4,5	8,0	Đạt	
32	030	17001232	Ngô Mạnh	Huy	03.09.1999	QTVLH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
33	031	17000548	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	19.04.1999	QTVLH	5,5	4,5	5,0	5,5	5,0	9,0	Đạt	
34	058	17000342	Đình Ngọc Hoàng	Quân	03.07.1999	QTVLH	4,5	5,0	4,5	5,0	5,0	9,0	Đạt	
35	063	17000429	Nguyễn Duy	Thê	20.11.1997	QTVLH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
36	068	17000370	Phạm Ngọc	Tiến	01.04.1999	QTVLH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
37	003	17000640	Nguyễn Diệu	Anh	16.01.1999	TTHH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
38	004	17001378	Trần Minh	Anh	07.11.1999	TTHH	7,5	6,0	4,5	6,0	6,0	10,0	Đạt	
39	011	17000450	Nguyễn Quỳnh	Chi	15.11.1999	TTHH	7,5	7,5	6,0	6,0	7,0	10,0	Đạt	
40	013	17001036	Nguyễn Thị Mai	Chi	05.07.1999	TTHH	4,0	5,0	5,0	5,0	5,0	9,0	Đạt	
41	014	17000395	Nguyễn Trường	Đông	18.07.1999	TTHH	6,0	4,5	4,0	5,5	5,0	9,0	Đạt	
42	015	17001532	Nguyễn Minh	Đức	30.07.1999	TTHH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
43	016	17000764	Trần Đình	Đức	07.09.1999	TTHH	6,5	6,0	5,0	6,0	6,0	10,0	Đạt	
44	017	17000825	Đào Thị Lê	Dung	06.09.1999	TTHH	4,0	6,0	5,0	4,5	5,0	9,0	Đạt	
45	019	17000591	Bùi Quang	Duy	17.05.1999	TTHH	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	10,0	Đạt	
46	020	17000698	Nguyễn Công	Hải	14.11.1999	TTHH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
47	021	17000698	Nguyễn Công	Hải	14.11.1999	TTHH					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
48	022	17001371	Ngô Thị	Hằng	18.08.1999	TTHH	5,0	4,5	5,0	4,0	4,5	8,0	Đạt	
49	023	17000113	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	16.06.1999	TTHH	3,5	3,5	4,0	6,0	4,5	8,0	Đạt	
50	032	17001768	Nguyễn Thị	Huyền	02.02.1999	TTHH	6,0	6,5	4,0	4,5	5,5	10,0	Đạt	

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Khoa/ ngành	Kết quả thi				Điểm (Thang 9.0)	Điểm môn học (Thang 10.0)	Kết luận	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói				
51	033	17001307	Nguyễn Việt	Khoa	29.07.1999	TTHH	7,0	6,5	5,0	6,5	6,5	10,0	Đạt	
52	037	17000460	Nguyễn Diệu	Linh	12.03.1997	TTHH	6,0	6,0	4,5	5,0	5,5	10,0	Đạt	
53	039	17000085	Đặng Thu	Loan	15.03.1999	TTHH	5,0	6,0	5,0	6,0	5,5	10,0	Đạt	
54	040	17000544	Lê Ngọc	Long	23.07.1999	TTHH	4,0	5,0	4,0	5,5	4,5	8,0	Đạt	
55	041	17000594	Nguyễn Thị Lan	Luyến	09.12.1999	TTHH	3,5	4,0	3,5	3,0	3,5	5,0	Đạt	
56	046	17001398	Huỳnh Thị Thúy	Nga	09.08.1999	TTHH	5,0	4,0	4,5	4,5	4,5	8,0	Đạt	
57	049	17000634	Tạ Ánh	Ngọc	24.01.1999	TTHH	4,0	4,0	5,0	5,5	4,5	8,0	Đạt	
58	050	17001511	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	04.10.1999	TTHH	6,0	5,0	5,0	4,0	5,0	9,0	Đạt	
59	055	17000161	Phạm Thị	Phương	18.12.1999	TTHH	4,0	4,0	5,5	5,5	5,0	9,0	Đạt	
60	056	17000214	Nguyễn Thị Thu	Phương	20.01.1999	TTHH	3,5	4,0	4,0	5,0	4,0	7,0	Đạt	
61	057	17001535	Nguyễn Đình	Quân	14.05.1999	TTHH	6,5	5,0	5,5	6,0	6,0	10,0	Đạt	
62	060	17000643	Nguyễn Trung	Sơn	03.11.1999	TTHH	5,0	5,0	5,0	4,0	5,0	9,0	Đạt	
63	065	17000550	Đỗ Thị Phong	Thu	11.08.1999	TTHH	6,0	6,0	4,0	6,0	5,5	10,0	Đạt	
64	066	17000186	Đỗ Thị	Thuỳ	19.01.1999	TTHH	4,5	6,0	2,0	4,0	4,0	7,0	Đạt	
65	067	17000622	Dương Thị Thùy	Tiên	08.12.1999	TTHH					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
66	072	17000734	Trương Thị Thùy	Trang	10.10.1999	TTHH	6,5	6,0	6,0	5,0	6,0	10,0	Đạt	
67	073	17001073	Phạm Thị Thanh	Trang	11.08.1999	TTHH	4,5	4,5	5,5	5,0	5,0	9,0	Đạt	
68	083	17001071	Đoàn Thị Thu	Trang	28.03.1999	TTHH	3,5	3,0	5,5	4,5	4,0	7,0	Đạt	
69	080	17000191	Nguyễn Thị	Xoan	22.05.1999	TTHH	5,0	3,5	5,0	4,0	4,5	8,0	Đạt	
70	081	17001806	Nguyễn Mùa	Xuân	06.03.1999	TTHH	6,5	6,0	6,0	5,0	6,0	10,0	Đạt	
71	082	17000598	Nguyễn Thị Hồng	Yến	07.02.1999	TTHH	5,0	4,0	3,5	5,0	4,5	8,0	Đạt	
72	009	17001262	Nguyễn Thị	Bảy	02.03.1999	TTKHMT	5,0	4,0	4,5	4,0	4,5	8,0	Đạt	
73	025	17000421	Lê Thị Xuân	Hoa	12.02.1999	TTKHMT	6,0	5,0	5,0	5,0	5,5	10,0	Đạt	
74	027	17001541	Trần Thu	Hương	30.03.1999	TTKHMT					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
75	029	17001707	Nguyễn Thanh	Hường	27.02.1999	TTKHMT	7,5	5,5	4,0	6,0	6,0	10,0	Đạt	
76	038	17000443	Ninh Tiến	Linh	25.02.1999	TTKHMT	5,0	5,5	4,0	5,0	5,0	9,0	Đạt	
77	045	17000091	Đông Hà	My	07.01.1999	TTKHMT					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
78	054	17000767	Nguyễn Thị	Nhung	05.12.1999	TTKHMT					0,0	0,0	Không đạt	Không thi

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Khoa/ ngành	Kết quả thi				Điểm (Thang 9.0)	Điểm môn học (Thang 10.0)	Kết luận	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói				
79	059	17000710	Đào Đức	Quang	06.11.1999	TTKHMT					0,0	0,0	Không đạt	Không thi
80	064	17000316	Nguyễn Thị	Thom	29.04.1999	TTKHMT	5,5	5,0	4,5	5,0	5,0	9,0	Đạt	
81	075	17001249	Trần Việt	Tùng	26.08.1999	TTKHMT	7,5	7,5	6,0	7,0	7,0	10,0	Đạt	
82	076	17001677	Đào Gia	Uyên	24.02.1999	TTKHMT					0,0	0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
83	079	17001811	Vũ Thị Mỹ	Uyên	12.09.1999	TTKHMT	4,0	5,0	5,5	4,0	4,5	8,0	Đạt	

Danh sách gồm: 83 sinh viên

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Ngọc Quyên

Người kiểm tra: Nguyễn Hải Hà

**KHOA TIẾNG ANH
KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Mai Thị Loan

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**

Hà Lê Kim Anh

**Hà Nội, ngày tháng năm 2018
HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Tuấn Minh